PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1508/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO TOÀN BỘ CHI PHÍ

1. Nhóm dịch vụ chăm sóc người có công

a) Dịch vụ điều dưỡng luân phiên người có công;

b) Dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh, người có công.

2. Nhóm dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

a) Dịch vụ đào tạo nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Danh mục nghề học do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định);

b) Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu; các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh (Danh mục ngành nghề do cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp trung ương quy định);

c) Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nhóm dịch vụ về việc làm

a) Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp cho người lao động;

b) Dịch vụ thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động gồm: Thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động, kết nối thị trường lao động.

4. Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng; người cần nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ theo yêu cầu của nước tiếp nhận lao động thuộc dự án, chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động.

5. Nhóm dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em

a) Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp theo Điều 5 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội, gồm: Sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu; Cung cấp chỗ ở tạm thời; Cung cấp thực phẩm, thức ăn; Cung cấp quần áo và các vật dụng sinh hoạt thiết yếu; Hỗ trợ tâm lý; Trị liệu; Phục hồi thể chất; các dịch vụ cần thiết khác;

b) Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, gồm: Sàng lọc và tiếp nhận đối tượng; Đánh giá nhu cầu chăm sóc trung hạn hoặc dài hạn; Kiểm tra và chăm sóc sức khỏe ban đầu; Xây dựng kế hoạch chăm sóc; Tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc; Cung cấp chỗ ở, thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt; Quản lý đối tượng; Xác minh, tiếp xúc với gia đình của đối tượng; Hỗ trợ đối tượng trở về gia đình, cộng đồng; Tổ chức giáo dục; Dạy nghề; Dạy kỹ năng sống; Vật lý trị liệu; Lao động trị liệu; Trị liệu tâm lý; Phục hồi chức năng; Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí; Chăm sóc y tế; Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng;

c) Dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc bán trú cho đối tượng theo quy định tại Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chăm sóc trẻ em mồ côi không còn nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ

rơi, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ em khuyết tật nặng và trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng giai đoạn 2013 - 2020; đối tượng quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội thuộc đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020. gồm: (i) Dịch vụ công tác xã hội: Dịch vụ tư vấn, tham vấn; Trị liệu; Phục hồi chức năng dựa và cộng đồng; Trợ giúp pháp lý; Hòa giải; Vận động nguồn lực; Kết nối; Chuyển tuyến; Phòng ngừa, ngăn chặn đối tượng bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi hoặc có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh khó khăn khác; Hoạt động can thiệp; Hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng; Quản lý đối tượng; Giáo dục xã hội và nâng cao năng lực; Phát triển cộng đồng; Tư vấn, truyền thông. (ii) Dịch vụ chăm sóc, nhận nuôi: Dịch vụ tuyển chọn, tư vấn, nâng cao năng lực và phát triển mạng lưới gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội có thời hạn; Đánh giá nhu cầu, lập hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội cần tìm kiếm gia đình, cá nhân nhận chăm sóc nuôi dưỡng; Lập hồ sơ đăng ký nhận chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội có thời hạn của gia đình, cá nhân; Đánh giá, chứng nhận điều kiện nhận chăm sóc, nuôi dưỡng của gia đình, cá nhân đăng ký; Tập huấn, nâng cao năng lực gia đình, cá nhân nhận chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng đủ điều kiện; Hỗ trợ tâm lý cho đối tượng; Đưa đối tượng về gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; Kiểm tra, theo dõi việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng. (iii) Dịch vụ chăm sóc bán trú:

- Dịch vụ được cung cấp tại Trung tâm: Đánh giá tình trạng ban đầu và nhu cầu của đối tượng; Chăm sóc sức khỏe; Phục hồi thể chất; Dạy kĩ năng sinh hoạt hàng ngày; Chuẩn bị các kỹ năng học đường; Dạy kỹ năng sống; Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí; Phục hồi chức năng; Dạy nghề; Trị liệu tâm lý; Vật lý trị liệu;

- Dịch vụ được cung cấp tại gia đình: Thăm, khám sức khỏe và đánh giá nhu cầu của đối tượng theo yêu cầu; Phục hồi chức năng; Trị liệu; Tư vấn; Tham vấn; Chăm sóc).

6. Nhóm dịch vụ lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội

a) Dịch vụ tư vấn dự phòng nghiện ma túy; tư vấn điều trị, cai nghiện ma túy, cai nghiện phục hồi; đào tạo nghề, tạo việc làm cho người nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện công lập;

b) Dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng và Trung tâm công tác xã hội;

c) Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ phục hồi và hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán.

II. DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ MỘT PHẦN CHI PHÍ THEO LỘ TRÌNH TÍNH GIÁ DỊCH VỤ CÔNG

1. Nhóm dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Dịch vụ đào tạo nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp các nghề còn lại ngoài các nghề quy định tại Điểm 1 Mục I nêu trên.

2. Nhóm dịch vụ về việc làm

Dịch vụ cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, trừ đối tượng thuộc bảo hiểm thất nghiệp chi trả.

3. Nhóm dịch vụ lĩnh vực xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội

a) Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn cho đối tượng tự nguyện sống;

b) Dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc bán trú cho đối tượng tự nguyện.

4. Nhóm dịch vụ về an toàn vệ sinh lao động: Dịch vụ Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn triển khai việc thực hiện cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Quyết định này;

- Phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành khung giá và giá các loại hình dịch vụ để áp dụng cho các đối tượng thụ hưởng dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này quyết định hoặc phân cấp cho cơ quan trực thuộc lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

3. Ngoài các danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về đối tượng hưởng dịch vụ tại Quyết định này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam